

Số: 166 /NQ-HĐND

Tam Đường, ngày 23 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG
KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY (CHUYÊN ĐỀ), KHOÁ XXI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách địa phương, kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; bổ sung kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Tam Đường về phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Xét Tờ trình số 535/TTr-UBND ngày 11/4/2025 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2025, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh dự toán 515.280.000 đồng cho một số đơn vị dự toán.



2. Bổ sung dự toán 38.348.936.000 đồng từ nguồn ngân sách huyện và nguồn bổ sung có mục tiêu.

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Tam Đường khóa XXI, kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 23/4/2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tân Thị Quế



BIỂU SỐ 01
Điều chỉnh dự toán năm 2025 cho một số đơn vị dự toán
(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 23/4/2025 của HĐND huyện Tam Dương)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh		Chi tiết cho từng đơn vị dự toán																Ghi chú
		Giảm	Tăng	Văn phòng huyện uỷ	Phòng giáo dục và đào tạo	Trường Tiểu học Bình Lư	Trường TH&TH CS Hồ Thầu	Trường PTDT BT TH Tả Lặng	Trường PTDT BT TH Thèn Sín	Trường TH&TH CS Sơn Bình	Trường Tiểu học Thị trấn Tam Dương	Trường TH&TH CS Nà Tầm	Trường PTDT BT TH Bàn Bò	Trường PTDT BT TH Giang Ma	Trường Tiểu học Bân Giang	Trường TH&THCS S Nùng Nàng	Trường TH&TH CS Bân Hòn	Trường PTDT BT TH Khun Há		
TỔNG CỘNG		515.280	515.280	55.000	460.280	45.460	23.120	23.460	46.920	45.460	45.120	45.120	45.460	25.000	23.120	23.460	23.120	45.460		
1	Điều chỉnh dự toán	460.280	460.280	0	460.280	45.460	23.120	23.460	46.920	45.460	45.120	45.120	45.460	25.000	23.120	23.460	23.120	45.460		
1.1	Điều chỉnh giảm	460.280			460.280	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		
-	Điều chỉnh giảm kinh phí đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu	460.280			460.280															
1.2	Điều chỉnh tăng		460.280		0	45.460	23.120	23.460	46.920	45.460	45.120	45.120	45.460	25.000	23.120	23.460	23.120	45.460		
-	Bổ sung kinh phí đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu		460.280			45.460	23.120	23.460	46.920	45.460	45.120	45.120	45.460	25.000	23.120	23.460	23.120	45.460		
2	Điều chỉnh nội dung chi	55.000	55.000	55.000																
-	Điều chỉnh giảm Điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện Ban chỉ đạo Quy chế dân chủ		55.000	55.000																
-	Điều chỉnh tăng tăng kinh phí tổ chức cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng cấp huyện	55.000		55.000																

Bổ sung dự toán năm 2025 từ nguồn ngân sách huyện và nguồn bổ sung có mục tiêu
(Kèm theo Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 23/4/2025 của HĐND huyện Tam Đường)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số tiền bổ sung	Số dự toán bổ sung cho từng đơn vị							Ghi chú
			Văn phòng Huyện ủy	UBND Xã Bình Lư	UBND Xã Bản Bo	UBND Xã Khun Há	UBND xã Tả Lèng	UBND xã Nùng Nàng	UBND xã Giang Ma	
Tổng cộng		38.348.936	2.205.306	24.570	2.340	18.720	301.000	30.000	44.000	
1	Nguồn ngân sách huyện năm 2025	375.000					301.000	30.000	44.000	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 8/10/1019 của Chính phủ	375.000					301.000	30.000	44.000	
2	Nguồn bổ sung có mục tiêu	37.973.936	2.205.306	24.570	2.340	18.720				
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách do sắp xếp tổ chức, bộ máy theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ	2.205.306	2.205.306							
-	Kinh phí hỗ trợ thôi việc đối với Công an viên do không tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	45.630		24.570	2.340	18.720				
-	Kinh phí thực hiện chính sách đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, công đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh	743.000								Chi tiết theo biểu 2.1
-	Kinh phí thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025.	19.740.000								Chi tiết theo biểu 2.2
-	Hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ theo quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	180.000								
-	Chương trình MTOG giảm nghèo bền vững năm 2025 (nguồn vốn sự nghiệp)	15.060.000								Chi tiết theo biểu 2.3





BIỂU CHI TIẾT SỐ 2.1

Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đối với người cai nghiện ma túy; người được giao nhiệm vụ hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, công đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy theo Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
(Kèm theo Nghị quyết số 166 /NQ-HĐND ngày 3 /4/2025 của HĐND huyện Tam Đường)

		6 Tháng đầu năm năm 2024				6 tháng cuối Năm 2024				Năm 2025				
STT	Đơn vị	Tổng Số đối tượng	Tổng Số tháng	Số tiền/tháng/ đối tượng (0,5 x 1.800.000)	Thành tiền	Tổng Số đối tượng	Tổng Số tháng	Số tiền/tháng/ đối tượng (0,5 x 2.340.000)	Thành tiền	Tổng Số đối tượng	Tổng Số tháng	Số tiền/tháng/ đối tượng (0,5 x 2.340.000)	Thành tiền	Tổng cộng
	TỔNG CỘNG	20	86,5	9.000.000	77.850.000	31	174,5	12.870.000	204.165.000	36	394,0	12.870.000	460.980.000	743.000.000
1	UBND xã Nà Tăm	5	19,0	900.000	17.100.000	5	39,0	1.170.000	45.630.000	5	66,0	1.170.000	77.220.000	139.950.000
2	UBND xã Khun Hả				-	3	15,0	1.170.000	17.550.000	3	36,0	1.170.000	42.120.000	59.670.000
3	UBND xã Bình Lư	4	12,0	900.000	10.800.000	7	34,5	1.170.000	40.365.000	9	102,0	1.170.000	119.340.000	170.505.000
4	UBND xã Giang Ma	1	6,0	900.000	5.400.000	1	6,0	1.170.000	7.020.000	1	12,0	1.170.000	14.040.000	26.460.000
5	UBND xã Hồ Thầu	1	3,0	900.000	2.700.000	1	6,0	1.170.000	7.020.000	1	12,0	1.170.000	14.040.000	23.760.000
6	UBND xã Sơn Bình	2	11,5	900.000	10.350.000	2	12,0	1.170.000	14.040.000	2	20,0	1.170.000	23.400.000	47.790.000
7	UBND xã Bàn Giang	1	6,0	900.000	5.400.000	2	4,0	1.170.000	4.680.000	1	12,0	1.170.000	14.040.000	24.120.000
8	UBND xã Bàn Bo	2	12,0	900.000	10.800.000	5	25,5	1.170.000	29.835.000	5	43,0	1.170.000	50.310.000	90.945.000
9	UBND xã Thèn Sin	1	6,0	900.000	5.400.000	2	10,5	1.170.000	12.285.000	3	35,0	1.170.000	40.950.000	58.635.000
10	UBND xã Tà Lèng	1	4,0	900.000	3.600.000	1	6,0	1.170.000	7.020.000	2	24,0	1.170.000	28.080.000	38.700.000
11	UBND Thị trấn Tam Đường	2	7,0	900.000	6.300.000	2	16,0	1.170.000	18.720.000	4	32,0	1.170.000	37.440.000	62.465.000



BIỂU CHI TIẾT SỐ 2.2
Bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, nhà dột nát
(Kèm theo Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 25/14/2025 của HĐND huyện Tam Dương)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Tổng chung	Kinh phí thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025				Kinh phí thực hiện hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ theo quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 18/02/2025			Ghi chú
			Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa		
	Tổng cộng:	19.920	19.740	16.980	2.760	180	60	120		
1	Thị trấn	690	690	600	90					
2	Xã Khun Há	1.680	1.680	1.680						
3	Xã Thèn Sin	3.990	3.990	3.660	330					
4	Xã Bàn Giang	3.360	3.360	2.820	540					
5	Xã Nà Tầm	1.380	1.380	1.200	180					
6	Xã Nùng Nàng	210	210	0	210					
7	Xã Bình Lư	1.950	1.770	1.560	210	180	60	120		
8	Xã Hồ Thầu	270	270	240	30					
9	Xã Giang Mả	840	840	540	300					
10	Xã Tả Lèng	750	750	420	330					
11	Xã Sơn Bình	780	780	360	420					
12	Xã Bàn Hòn	1.500	1.500	1.380	120					
13	Xã Bản Bo	2.520	2.520	2.520	0					

BIỂU CHI TIẾT SỐ 2.3
Bổ sung kinh phí thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững năm 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 166 /NQ-HĐND ngày 23/4/2025 của HĐND huyện Tam Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Tổng số tiền	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTC	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Nội vụ	UBND TT Tam Dương	UBND xã Bình Lư	UBND xã Bản Giang	UBND xã Bản Bo	UBND xã Nà Tầm	UBND xã Nùng Nàng	UBND xã Tả Lèng	UBND xã Giang Ma	UBND xã Bản Hòn	UBND xã Sơn Bình	UBND xã Thèn Sìn	UBND xã Khun Há	UBND xã Hồ Thầu	Ghi chú
1	Bổ sung dự toán	13.030	415	333	523	49	697	658	1.365	1.094	689	1.211	1.209	597	986	809	1.819	576	
1.1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	7.251					390	435	818	685	425	760	758	365	615	502	1.140	358	
1.2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	4.257	0		0	30	287	203	527	390	245	432	432	213	352	288	660	198	
-	Tiêu DA1 - Phát triển sản xuất nông nghiệp	3.014					204	145	370	280	175	310	310	155	255	205	465	140	
-	Tiêu DA2- Cải thiện dinh dưỡng	1.243				30	83	58	157	110	70	122	122	58	97	83	195	58	
1.3	Dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.271	415	333	523	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
-	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	748	415	333															
-	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	523			523														
1.4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	251	0		0	19	20	20	20	19	19	19	19	19	19	19	19	20	
-	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	251				19	20	20	20	19	19	19	19	19	19	19	19	20	
2	Bổ sung chi tiết sau	2.030																	